

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DIC  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

kèm theo

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

*Được kiểm toán bởi:*

**CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

149/14 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6283 6178 Fax: (08) 3848 8550

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2009

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008	11 - 24

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

## CÔNG TY

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được chuyển đổi từ Công ty DIC Đầu tư và Thương mại (doanh nghiệp nhà nước thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng) theo Quyết định số 1981/QĐ-BXD ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003047 ngày 14 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế điện, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị. Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng. Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ. Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng. Sản xuất vật liệu trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, chế biến gỗ sản phẩm gỗ (không chế biến gỗ tại trụ sở). Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu. Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở). Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ. Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 67.700.000.000 đồng (sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng) vào ngày 10 tháng 3 năm 2009.

Công ty có trụ sở tại 14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty là **14.421.972.397** đồng Việt Nam.

Căn cứ vào nghị quyết đại hội cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2009, lợi nhuận của Công ty được phân phối như sau:

- Tỷ lệ cổ tức 10% bằng tiền mặt
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% bằng nguồn từ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ hợp lệ khác của Công ty.

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính ngoại trừ việc thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát như sau:

### Hội đồng quản trị

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Đinh Ngọc Ninh    | Chủ tịch (từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009)   |
| 2. Ông Nguyễn Đức Hải    | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009)   |
| 3. Ông Dương Đình Thái   | Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009) |
| 4. Ông Lê Thái Sâm       | Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009) |
| 5. Ông Đinh Hồng Kỳ      | Thành viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009) |
| 6. Bà Phạm Thị Minh Hiền | Thành viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009) |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban giám đốc

1. Bà Đào Anh Phượng Quyên Phó tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2009)

### Ban kiểm soát

1. Bà Lê Thị Thúy Nga Trưởng ban (từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009)
2. Bà Nguyễn Thị Trâm Anh Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009)
3. Ông Lê Thành Hưng Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2009)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm báo cáo này như sau:

### Hội đồng quản trị

1. Ông Đinh Ngọc Ninh Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Đức Hải Thành viên
3. Bà Nguyễn Thu Hà Thành viên
4. Ông Phạm Hồng Minh Thành viên
5. Ông Nguyễn Văn Quyên Thành viên
6. Bà Vũ Thị Hoa Thành viên
7. Ông Đinh Hồng Kỳ Thành viên
8. Bà Phạm Thị Minh Hiền Thành viên

### Ban giám đốc

1. Ông Nguyễn Đức Hải Tổng giám đốc
2. Ông Phạm Hồng Minh Phó tổng giám đốc
3. Bà Đào Anh Phượng Quyên Phó tổng giám đốc
4. Ông Dương Đình Thái Giám đốc tài chính

### Ban kiểm soát

1. Bà Lê Thị Thúy Nga Trưởng ban
2. Bà Đinh Thị Hiền Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Hưng Thành viên

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc

---

Nguyễn Đức Hải  
Tổng giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Số: 09-2-065/CPAHANOI/HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC**

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC (gọi tắt là “Công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 24. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục 2 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban giám đốc tại trang 1, 2 và 3, Ban giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Giới hạn kiểm toán và không thống nhất về chính sách kế toán**

Chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay dùng để đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hướng Việt được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.163.338.094 đồng (xem thuyết minh số 9). Theo ý kiến chúng tôi thì chi phí lãi vay này phải được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Nếu hạch toán đúng thì lợi nhuận hợp nhất trước thuế sẽ giảm đi 1.218.243.432 đồng và lợi nhuận hợp nhất chưa phân phối đầu kỳ cũng giảm đi 945.094.662 đồng và khoản mục chi phí trả trước dài hạn sẽ giảm đi một số 2.163.338.094 đồng.

Chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay dùng để đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 7.106.566.666 đồng (xem thuyết minh số 9). Dự án nhà máy xi măng do Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 làm chủ đầu tư thực hiện chậm hơn kế hoạch. Do đó, Công ty có dự định thoái vốn đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2. Vào ngày 16 tháng 3 năm 2009 công ty có nhận được văn bản cam kết rằng nếu công ty thoái vốn đầu tư thì phía đối tác trong Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 sẽ hoàn lại vốn và thanh toán chi phí lãi vay phát sinh cho khoản vốn mà công ty đã góp thực tế vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2. Nếu công ty không thực hiện việc thoái vốn khoản đầu tư này trong năm 2009 thì chi phí lãi vay liên quan đến khoản đầu tư này cần phải điều chỉnh và ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh.

Ghi nhận và hạch toán tổn thất thực tế liên quan đến tai nạn tàu Minh An thuộc Công ty cổ phần thương mại vận tải Minh Phong (xem thuyết minh số 9). Tàu Minh An gặp tai nạn vào ngày 30 tháng 11 năm 2007, đã được bít vá dưới nước, sửa chữa và đưa vào khai thác lại vào ngày 22 tháng 6 năm 2008. Tuy nhiên đến thời điểm báo cáo này, Công ty cổ phần thương mại vận tải Minh Phong chưa xác định được tổn thất thực tế liên quan đến tai nạn tàu Minh An. Tình hình tài chính của Công ty cổ phần thương mại vận tải Minh Phong có thể sẽ bị điều chỉnh sau khi xác định được tổn thất thực tế của tàu Minh An do đó kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất có thể bị ảnh hưởng và điều chỉnh.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ phần giới hạn kiểm toán và không thống nhất về chính sách kế toán kể trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này được lập thành 11 bản tiếng Việt, các bản có giá trị như nhau. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC giữ 10 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 1 bản..

---

Tô Quang Tùng  
Kiểm toán viên  
Số đăng ký: 0270/KTV

---

Nguyễn Ngọc Tĩnh  
Tổng giám đốc  
Số đăng ký: 0132/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>146.804.778.789</b>	<b>112.095.221.598</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.630.727.151</b>	<b>13.622.000.146</b>
1. Tiền	111	3	24.630.727.151	13.622.000.146
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>170.000.000</b>	<b>6.400.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		170.000.000	6.400.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>88.207.101.861</b>	<b>87.710.402.584</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		78.779.131.947	71.331.435.521
2. Trả trước cho người bán	132		8.669.930.193	9.347.769.901
3. Các khoản phải thu khác	135		903.068.179	7.031.197.162
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(145.028.458)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.680.595.477</b>	<b>4.065.000.472</b>
1. Hàng tồn kho	141	4	23.680.595.477	4.065.000.472
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.116.354.300</b>	<b>6.691.418.396</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.408.199.383	2.410.987.751
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6.708.154.917	4.280.430.645
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>176.354.047.818</b>	<b>124.080.545.987</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.577.410.316</b>	<b>62.369.349.067</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	68.577.410.316	60.920.758.814
- Nguyên giá	222		82.389.048.225	67.606.927.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.811.637.909)	(6.686.168.229)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.448.590.253
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	8	<b>69.398.640.000</b>	<b>55.398.640.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.595.940.000	10.095.940.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		56.500.000.000	45.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		302.700.000	302.700.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>38.377.997.502</b>	<b>6.312.556.920</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	9	37.814.653.392	6.312.556.920
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	19	563.344.110	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>323.158.826.607</b>	<b>236.175.767.585</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>216.693.068.104</b>	<b>161.674.456.863</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>206.275.430.782</b>	<b>140.833.249.031</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	139.158.049.704	112.720.376.259
2. Phải trả người bán	312		19.764.796.571	15.895.995.271
3. Người mua trả tiền trước	313		1.318.283.815	1.087.926.546
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	11	5.340.013.327	4.360.011.167
5. Phải trả cho người lao động	315		355.899.064	1.186.684.460
6. Chi phí phải trả	316	12	7.575.490.620	2.422.724.646
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	32.762.897.681	3.159.530.682
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.417.637.322</b>	<b>20.841.207.832</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	10	10.331.998.476	20.841.207.832
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		85.638.846	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>95.445.696.887</b>	<b>63.115.241.799</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	14	<b>95.433.544.059</b>	<b>62.757.354.545</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.999.550.000	33.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.209.559.800	10.309.109.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.982.000.000	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.147.586.533	5.072.834.463
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.310.860.251	1.270.487.776
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.783.987.475	12.504.922.506
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>431</b>		<b>12.152.828</b>	<b>357.887.254</b>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	14	12.152.828	357.887.254
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>11.020.061.616</b>	<b>11.386.068.923</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>323.158.826.607</b>	<b>236.175.767.585</b>

Nguyễn Anh Kiệt  
 Người lập biểu

Dương Đình Thái  
 Giám đốc tài chính

Nguyễn Đức Hải  
 Tổng giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>667.512.647.666</b>	<b>608.990.270.270</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		6.509.190.027	2.941.729.559
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	15	<b>661.003.457.639</b>	<b>606.048.540.711</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	16	<b>611.850.435.375</b>	<b>577.142.565.191</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>49.153.022.264</b>	<b>28.905.975.520</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	21		<b>9.118.595.127</b>	<b>1.147.308.001</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	22		<b>25.389.934.108</b>	<b>5.130.583.673</b>
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		11.912.033.995	4.379.385.208
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24	17	<b>3.550.273.018</b>	<b>1.263.161.100</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25	18	<b>13.126.589.711</b>	<b>5.641.359.944</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>16.204.820.554</b>	<b>18.018.178.804</b>
11. Thu nhập khác	31		363.832.036	1.835.848.985
12. Chi phí khác	32		892.483.877	64.223.452
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(528.651.841)</b>	<b>1.771.625.533</b>
<b>14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh</b>	45		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>15.676.168.713</b>	<b>19.789.804.337</b>
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	19	2.914.064.115	2.232.436.924
17. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	19	(563.344.110)	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>13.325.448.708</b>	<b>17.557.367.413</b>
<b>19. Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số</b>	61		<b>(1.096.523.689)</b>	<b>1.586.068.923</b>
<b>20. Thu nhập/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ</b>	62		<b>14.421.972.397</b>	<b>15.971.298.490</b>
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		<b>3.257</b>	<b>4.889</b>

Nguyễn Anh Kiệt  
 Người lập biểu  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Dương Đình Thái  
 Giám đốc tài chính

Nguyễn Đức Hải  
 Tổng giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (theo phương pháp trực tiếp)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	1		716.052.710.636	585.998.466.314
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(586.471.280.897)	(279.908.980.079)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(12.242.953.765)	(6.686.046.409)
- Tiền chi trả lãi vay	4		(17.424.271.771)	(6.641.216.120)
- Tiền chi nộp thuế TNDN	5		(2.595.911.081)	(214.573.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		15.824.187.778	2.383.030.053
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(90.907.704.857)	(87.973.231.423)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22.234.776.043</b>	<b>206.957.449.036</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(5.212.714.171)	(580.664.373)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.383.239.086)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.400.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.098.291.600)	(7.004.231.600)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		209.749.981	132.103.877
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(37.478.094.876)</b>	<b>(7.152.792.096)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		23.150.000.000	10.300.000.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		360.462.307.271	29.120.161.544
- Tiền chi trả gốc vay	34		(350.972.804.762)	(228.872.085.713)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.383.914.500)	(4.850.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>26.255.588.009</b>	<b>(194.302.774.169)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>11.012.269.176</b>	<b>5.501.882.771</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	3	<b>13.622.000.146</b>	<b>8.120.117.375</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.542.171)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	3	<b>24.630.727.151</b>	<b>13.622.000.146</b>

Nguyễn Anh Kiệt  
 Người lập biểu

Dương Đình Thái  
 Giám đốc tài chính

Nguyễn Đức Hải  
 Tổng giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được chuyển đổi từ Công ty DIC Đầu tư và Thương mại (doanh nghiệp nhà nước thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng) theo Quyết định số 1981/QĐ-BXD ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003047 ngày 14 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế điện, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị. Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng. Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ. Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng. Sản xuất vật liệu trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, chế biến gỗ sản phẩm gỗ (không chế biến gỗ tại trụ sở). Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu. Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở). Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ. Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 67.700.000.000 đồng vào ngày 10 tháng 3 năm 2009.

Công ty có trụ sở tại 14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có năm công ty con bao gồm:

- Danh sách ba công ty con được hợp nhất:

- + Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại DIC Đà Nẵng
  - Địa chỉ: lô E, đường số 10, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
  - Ngày mua: ngày 1 tháng 10 năm 2007
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 72,9%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 72,9%
- + Công ty cổ phần Thương mại vận tải Minh Phong
  - Địa chỉ: 135/17/19 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
  - Thành lập ngày 18 tháng 4 năm 2007
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 51%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 51%
- + Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC Đà Lạt
  - Địa chỉ: khu công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
  - Thành lập ngày 31 tháng 1 năm 2008
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 60%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 60%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Danh sách hai công ty con không được hợp nhất:

+ Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hướng Việt

- Địa chỉ: 21 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Thành lập ngày 28 tháng 5 năm 2007
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%
- Lý do không hợp nhất báo cáo tài chính: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt thành lập để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng và kinh doanh địa ốc văn phòng cho thuê tại số 112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh nhưng việc thực hiện dự án này tạm dừng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã tiến hành góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Hướng Việt 10.095.940.000 đồng thông qua việc ứng trước vốn là 10.095.940.000 đồng cho công ty đối tác trong công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt để thực hiện các thủ tục ban đầu của dự án.

+ Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Đà Nẵng (\*\*)

- Địa chỉ: đường số 6, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Ngày mua: ngày 1 tháng 7 năm 2008
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%
- Lý do không hợp nhất báo cáo tài chính: Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định bán toàn bộ phần vốn của công ty TNHH một thành viên Bao bì Đà Nẵng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 66A-009/BBHDQT-DIC INTRACO ngày 26/3/2009.

Công ty có một công ty liên kết như sau:

+ Công ty cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2

- Địa chỉ: xã Yên Mao, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
- Thành lập ngày 22 tháng 11 năm 2007
- Tỷ lệ lợi ích của công ty: 49%
- Quyền biểu quyết của công ty: 49%
- Phương pháp hợp nhất: phương pháp giá gốc vì công ty có dự định thoái vốn đầu tư

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### ***Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### ***Cơ sở hợp nhất***

Các công ty con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Công ty công ty liên kết: Các công ty liên kết là các công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ nhưng không chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Các báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lợi ích của Công ty mẹ trên lỗ hoặc lãi của công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp giá gốc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Công ty mẹ trong công ty đó.

### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi trích lập 100% đối với các khoản phải thu có tuổi nợ trên 1 năm và không có khả năng thu hồi.

### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### ***Tài sản cố định và khấu hao***

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi theo 3 chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt.

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao tài sản cố định được tính theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Tài sản cố định và khấu hao*

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 20 năm

### *Chi phí lãi vay*

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa do chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### *Trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm.

### *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

*Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)*

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Thuế*

Thuế hiện hành được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**3. TIỀN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt tại quỹ	3.380.381.021	3.263.423.314
Tiền gửi ngân hàng	21.250.346.130	10.358.576.832
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.630.727.151</b>	<b>13.622.000.146</b>

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu cổ đông khác	-	6.313.354.177
Phải thu khác	903.068.179	717.842.985
<b>Tổng cộng</b>	<b>903.068.179</b>	<b>7.031.197.162</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu vật liệu	2.274.837.405	1.526.231.428
Công cụ dụng cụ	92.863.632	-
Chi phí sản xuất dở dang	4.288.145.324	1.555.811.740
Thành phẩm	2.311.266.847	303.703.042
Hàng hóa	14.713.482.269	679.254.262
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.680.595.477</b>	<b>4.065.000.472</b>

**Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con**

14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3931 0504 Fax: (08) 3931 6579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	5.128.540.129	12.081.830.621	49.904.101.400	338.394.709	154.060.184	67.606.927.043
Tăng trong năm	5.543.779.060	10.065.385.517	14.750.000	376.021.747	213.208.796	16.213.145.120
Giảm khác	-	(1.412.414.847)	-	(18.609.091)	-	(1.431.023.938)
Số dư cuối năm	10.672.319.189	20.734.801.291	49.918.851.400	695.807.365	367.268.980	82.389.048.225
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	697.862.975	1.993.878.228	3.734.464.165	232.239.532	27.723.329	6.686.168.229
Khấu hao trong năm	947.228.337	2.325.620.372	3.875.136.463	73.424.973	39.340.388	7.260.750.533
Giảm khác	-	(135.280.853)	-	-	-	(135.280.853)
Số dư cuối năm	1.645.091.312	4.184.217.747	7.609.600.628	305.664.505	67.063.717	13.811.637.909
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	4.430.677.154	10.087.952.393	46.169.637.235	106.155.177	126.336.855	60.920.758.814
Tại ngày cuối năm	9.027.227.877	16.550.583.544	42.309.250.772	390.142.860	300.205.263	68.577.410.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.408.199.383	2.410.987.751
Tài sản ngắn hạn khác	6.708.154.917	4.280.430.645
- Nhân viên tạm ứng	2.494.893.325	1.635.593.173
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.213.261.592	2.644.837.472
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.116.354.300</b>	<b>6.691.418.396</b>

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**a. Đầu tư vào công ty con**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>Công ty con</b>	<b>Tỷ lệ vốn tham gia (%)</b>	<b>Số vốn đã góp cuối năm</b>	<b>Số vốn đã góp đầu năm</b>
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hường Việt (*)	55,0	10.095.940.000	10.095.940.000
Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Đà Nẵng (**)	100,0	2.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>12.595.940.000</b>	<b>10.095.940.000</b>

(\*) Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hường Việt được thành lập trên cơ sở thỏa thuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/HĐHTKD ngày 26 tháng 1 năm 2007 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng và kinh doanh địa ốc văn phòng cho thuê tại số 112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Yên Khánh. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hường Việt theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006863 ngày 28 tháng 5 năm 2007 là 30.000.000.000 đồng. Công ty sở hữu 55% vốn điều lệ tương đương với 16.500.000.000 đồng của công ty CP Đầu tư Thương mại Hường Việt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã tiến hành góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Hường Việt 10.095.940.000 đồng thông qua việc ứng trước vốn là 10.095.940.000 đồng cho Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Yên Khánh để thực hiện dự án. Công ty CP Đầu tư Thương mại Hường Việt vẫn chưa đi vào hoạt động thương mại.

(\*\*) Hội đồng quản trị công ty quyết định bán toàn bộ phần vốn trong Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Đà Nẵng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 66A-009/BBHQQT-DIC INTRACO ngày 26/3/2009.

**b. Đầu tư vào công ty liên kết**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>Công ty liên kết</b>	<b>Tỷ lệ vốn tham gia (%)</b>	<b>Số vốn phải góp theo giấy phép</b>	<b>Số vốn đã góp</b>
Công ty CP Xi măng Hữu Nghị 2	49	200.000.000.000	56.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>200.000.000.000</b>	<b>56.500.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**b. Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Nhà máy xi măng của Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 đang trong giai đoạn đầu tư và thực hiện chậm hơn kế hoạch. Công ty dự kiến thoái vốn và phía đối tác trong Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 cũng đồng ý bằng văn bản đề ngày 16 tháng 3 năm 2009 với nội dung sẽ thu xếp hoàn lại vốn góp và thanh toán lãi phát sinh liên quan đến khoản vốn góp thực tế vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2. Trong số vốn đã góp vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 có 3.982.000.000 đồng là vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty. Công ty ghi nhận khoản này là nguồn vốn khác của Công ty (xem thuyết minh số 14).

**c. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư vào Công ty cổ phần Phát triển Xây dựng Minh Hưng với 30.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng) với giá mua là 302.700.000 đồng, tương đương 1,78% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển Xây dựng Minh Hưng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Chi phí tăng</b>	<b>Đã phân bổ</b>	<b>Cuối năm</b>
Lợi thế thương mại	672.770.214	-	672.770.214	-
Công cụ, dụng cụ	3.175.411.331	4.480.121.913	3.998.200.198	3.657.333.046
Chi phí liên quan đến tai nạn tàu Minh An (*)	-	24.887.415.586	-	24.887.415.586
Chi phí lãi vay	2.464.375.375	8.115.359.165	1.309.829.780	9.269.904.760
<i>Trong đó:</i>				
- Công ty Hướng Việt	945.094.662	1.218.243.432	-	2.163.338.094
- Công ty xi măng Hữu Nghị 2	837.900.000	6.268.666.666	-	7.106.566.666
- Công ty Minh Phong	565.233.000	627.333.333	1.192.566.333	-
- Khác	116.147.713	1.115.734	117.263.447	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.312.556.920</b>	<b>37.482.896.664</b>	<b>5.980.800.192</b>	<b>37.814.653.392</b>

(\*) Chi phí liên quan đến tai nạn tàu Minh An: tàu Minh An thuộc sở hữu của Công ty cổ phần thương mại vận tải Minh Phong là công ty con. Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty cổ phần thương mại vận tải Minh Phong còn chứa đựng một vấn đề chưa giải quyết đó là ghi nhận tổn thất thực tế liên quan đến tai nạn của tàu Minh An với nội dung chính như sau:

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2007 tàu Minh An của Công ty đã gặp tai nạn tại khu vực biển ngoài khơi thuộc đảo Song Tử Tây nằm trong quần đảo Hoàng Sa (tọa độ 13.55N và 114.33E hướng 230<sup>0</sup>). Công ty đã thuê Công ty Trục vớt cứu hộ Việt Nam cứu hộ tàu Minh An và tàu Minh An đã được đưa vào bờ ngày 14 tháng 12 năm 2007. Tàu Minh An được sửa chữa tại Xí nghiệp liên hợp Ba Sơn vào ngày 12 tháng 1 năm 2008 và đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào ngày 22 tháng 6 năm 2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN** (tiếp theo)

Công ty đã mua bảo hiểm thân tàu cho tàu Minh An tại Công ty Bảo hiểm Việt Nam với đơn bảo hiểm số 05.0037.0005/PSB.SG2007 thời gian bảo hiểm từ 00 giờ ngày 9 tháng 9 năm 2007 đến 24 giờ ngày 8 tháng 9 năm 2008. Giá trị bảo hiểm thân tàu là 2.700.000 đô la Mỹ.

Chi phí phát sinh liên quan đến việc khắc phục tai nạn trên bao gồm chi phí liên quan đến việc khảo sát, sửa chữa, bít vá dưới nước, cụ thể như sau:

- Chi phí liên quan đến việc khảo sát và bít vá dưới nước theo yêu cầu thanh toán của Công ty thực hiện việc trục vớt cứu hộ đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được ước tính là 4.887.415.586 đồng.
- Chi phí sửa chữa tàu đã được công ty thanh toán cho nhà cung cấp, Xí nghiệp liên hợp Ba son đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 20.000.000.000 đồng.

Công ty cũng đã nhận được tiền ứng trước từ Công ty bảo hiểm thân tàu tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 6.000.000.000 đồng. Công ty bảo hiểm chưa xác định được số tiền bồi hoàn cho tai nạn của tàu Minh An.

Tồn thất thực tế liên quan đến tai nạn này sẽ được xác định khi các bên liên quan thống nhất các chi phí liên quan kể trên và khoản tiền bồi hoàn sẽ nhận được từ công ty bảo hiểm.

**10. VAY**

**a) Vay và nợ ngắn hạn**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn	128.599.615.304	107.986.083.059
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.558.434.400	4.734.293.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.158.049.704</b>	<b>112.720.376.259</b>

Các khoản vay ngắn hạn đều được đảm bảo bằng quyền góp vốn, quyền đòi nợ, tài sản của Công ty. Lãi suất vay VND từ 0,8%/tháng đến 1,1%/tháng, lãi suất vay USD từ 0,5%/tháng đến 0,6%/tháng. Thời hạn vay từ 3 đến 9 tháng.

**b) Vay và nợ dài hạn**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng khoản nợ dài hạn	20.890.432.876	25.575.501.032
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 10a)	10.558.434.400	4.734.293.200
Nợ dài hạn	10.331.998.476	20.841.207.832

Các khoản vay dài hạn đều được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay VND 1,07%/tháng, lãi suất vay USD từ 0,62%/tháng. Thời hạn vay từ 42 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.426.748.727	1.830.122.891
Thuế xuất nhập khẩu	313.164.003	496.016.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.431.927.739	2.017.863.624
Thuế thu nhập cá nhân	149.436.019	-
Các loại thuế khác	18.736.839	16.008.004
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.340.013.327</b>	<b>4.360.011.167</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay	442.758.330	140.392.665
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	4.887.415.586	-
Chi phí phải trả khác	2.245.316.704	2.282.331.981
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.575.490.620</b>	<b>2.422.724.646</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	118.219.501	95.755.665
Bảo hiểm xã hội	18.684.878	229.776
Phải trả khác	32.625.993.302	3.063.545.241
- Nhận trước tiền phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn (*)	18.275.400.000	-
- Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam	6.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Biển Đại Hải	6.617.190.778	1.887.017.888
- Phải trả khác	1.733.402.524	1.176.527.353
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.762.897.681</b>	<b>3.159.530.682</b>

(\*) Trong năm Công ty đã thực hiện chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho các nhà đầu tư để tăng vốn từ 55.999.550.000 đồng lên 67.999.550.000 đồng nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ nên ghi nhận vào khoản phải trả phải nộp khác. Đến ngày 10 tháng 3 năm 2009 Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ lên 67.700.000.000 đồng.

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

Khoản mục	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>10.369.109.800</b>	-	<b>1.667.901.317</b>	-	<b>230.192.694</b>	<b>7.995.376.041</b>	<b>52.262.579.852</b>
Tăng vốn trong năm	1.600.000.000	-	-	-	-	-	(1.600.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	16.633.588.692	16.633.588.692
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.404.933.146	1.270.487.776	1.548.621.305	(6.224.042.227)	-
Chi các quỹ	-	-	-	-	-	(1.420.926.745)	-	(1.420.926.745)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Giảm khác	-	(60.000.000)	-	-	-	-	-	(60.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>33.600.000.000</b>	<b>10.309.109.800</b>	-	<b>5.072.834.463</b>	<b>1.270.487.776</b>	<b>357.887.254</b>	<b>12.504.922.506</b>	<b>63.115.241.799</b>
Tăng vốn trong năm	22.400.000.000	-	-	-	-	-	-	22.400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.441.456.015	14.441.456.015
Tăng khác	-	450.000	3.982.000.000	-	-	-	-	3.982.450.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.074.752.070	1.040.372.475	1.663.352.001	(4.778.476.546)	-
Chi các quỹ	-	-	-	-	-	(2.009.086.427)	-	(2.009.086.427)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.383.914.500)	(6.383.914.500)
Giảm khác	(450.000)	(100.000.000)	-	-	-	-	-	(100.450.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>55.999.550.000</b>	<b>10.209.559.800</b>	<b>3.982.000.000</b>	<b>7.147.586.533</b>	<b>2.310.860.251</b>	<b>12.152.828</b>	<b>15.783.987.475</b>	<b>95.445.696.887</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn góp của Nhà nước	12.600.000.000	7.200.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	43.399.550.000	26.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.999.550.000</b>	<b>33.600.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	3.360.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	5.599.955	3.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.599.955	3.360.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.599.955	3.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Vốn khác 3.982.000.000 đồng là vốn của cán bộ công nhân viên công ty góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Hữu Nghị 2 (xem thuyết minh số 8b). Công ty đại diện cán bộ công nhân viên quản lý vốn đầu tư này.

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>667.512.647.666</b>	<b>608.990.270.270</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	618.380.817.842	538.857.930.958
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.024.458.164	70.132.339.312
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.107.371.660	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(6.509.190.027)</b>	<b>(2.941.729.559)</b>
Chiết khấu thương mại	(6.335.756.476)	(2.935.924.399)
Giảm giá hàng bán	(173.433.551)	(5.805.160)
<b>Tổng cộng</b>	<b>661.003.457.639</b>	<b>606.048.540.711</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	583.541.529.639	564.293.249.893
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.212.757.590	12.849.315.298
Giá vốn xây dựng	1.096.148.146	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>611.850.435.375</b>	<b>577.142.565.191</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	239.887.161	1.084.450.241
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.875.558.486	22.547.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	40.310.112
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.149.480	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.118.595.127</b>	<b>1.147.308.001</b>

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.912.033.995	4.379.385.208
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.403.703.503	751.198.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.074.196.610	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.389.934.108</b>	<b>5.130.583.673</b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán	(1)	15.676.168.713	19.789.804.337
Thu nhập chịu thuế	(2)	22.227.397.206	19.182.853.381
Thuế TNDN hiện hành 28%	(3)	6.223.671.218	5.371.198.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(4)	(3.309.607.103)	(3.138.762.023)
Thuế TNDN phải nộp (5) = (3) + (4)	(5)	<b>2.914.064.115</b>	<b>2.232.436.924</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các chênh lệch tạm thời như sau

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (1)	4.023.886.498	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (2)	28%	-
Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (3)	50%	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (4) = (1) * (2) * (3)	<b>563.344.110</b>	-

**20. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a/ Các bên liên quan**

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2, vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng, Công góp vốn với tỷ lệ 49%, tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 số vốn Công ty đã góp vốn là 56.500.000.000 đồng.

**b/ Giao dịch với các bên liên quan**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>Tên các bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty CP xi măng Hữu Nghị 2	Góp vốn	11.500.000.000

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>Đối tượng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thành viên Hội đồng quản trị	204.000.000	130.000.000
Ban giám đốc	1.068.738.211	484.899.000
Ban kiểm soát	42.000.000	23.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.314.738.211</b>	<b>638.499.000</b>

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Năm nay là năm đầu tiên Công ty tiến hành hợp nhất Báo cáo tài chính. Một số số liệu so sánh đầu năm được trình bày lại cho phù hợp cách trình bày số liệu cuối năm.

Nguyễn Anh Kiệt  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Dương Đình Thái  
Giám đốc tài chính

Nguyễn Đức Hải  
Tổng giám đốc